TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/DS-ST
Ngày: 21/4/2026
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Ông Tô Ngọc Liêm.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 400/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2026, về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/TA-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Huỳnh Anh T, sinh ngày 20/11/2001; CCCD: 089301018364; địa chỉ: số D, tổ A, ấp B, xã B, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Huỳnh Anh T: Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp B, xã B, tỉnh An Giang, là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền được công chứng tại Trung tâm phục vụ hành chính công Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp ngày 24/10/2025) (có mặt);

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Văn Nhàn E, sinh năm 1971; CCCD: 089071003139; địa chỉ: ấp K, xã C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

2.2. Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1977; CCCD: 089177003064; địa chỉ: ấp K, xã C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị K, sinh ngày 28/6/1981; CCCD: 089181001284; địa chỉ: ấp B, xã B, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn bà Huỳnh Thị K và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Do có mối quan hệ hàng xóm quen biết, ông Nhàn E và bà T1 liên hệ trực tiếp với bà K để vay tiền, vì bà K mẹ ruột của T. Tuy nhiên nguồn tiền cho vay là của T, bà K chỉ đại diện T giao tiền. Ông Nhàn E và bà T1 biết việc bà K đại diện cho bà T để cho vay tiền. Vì tên người cho vay trong biên nhận là Lê Huỳnh Anh T, phía ông Nhàn E và bà T1 có đọc, thống nhất trước khi ký tên vào biên nhận, cụ thể:

- Ngày 11/11/2023 (27/9/2023 âm lịch), T cho ông Nhàn E và bà T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vốn tiêu dùng gia đình, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 11/11/2023 đến ngày 11/02/2024, lãi suất 2%/tháng. Biên nhận do bà Huỳnh Thị K viết, chữ ký và chữ viết họ tên Võ Văn N Em là do ông Nhàn E tự ký và tự viết họ tên. Cùng ngày 11/11/2023, do bà T bận đi làm nên bà K đại diện bà T giao số tiền mặt 20.000.000 đồng tại nhà ông Nhàn E và bà Bích T1, thời điểm giao tiền do ông Nhàn E trực tiếp nhận, không có mặt bà T1 vì bà T1 đi làm nhưng bà T1 vẫn biết việc vay tiền này. Lý do bà T1 biết việc vay tiền này vì khi vay tiền thì cả hai vợ chồng cùng liên lạc điện thoại cho bà K để vay tiền và khi đòi tiền thì bà T do đi làm nên bà K đại diện cho bà T là người trực tiếp liên lạc điện thoại và đến nhà ông Nhàn E, bà T1 đòi tiền. Số tiền này đến nay ông Nhàn E và bà T1 chưa trả vốn, chỉ trả lãi được 21 tháng (từ ngày 11/11/2023 đến 14/9/2025) số tiền 8.400.000 đồng (trả lãi 400.000 đồng/tháng). Việc trả lãi không làm biên nhận;

- Ngày 19/11/2023 (04/10/2023 âm lịch), T cho ông Nhàn E và bà T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, mục đích vốn tiêu dùng gia đình, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 19/11/2023 đến ngày 19/02/2024, lãi suất 2%/tháng. Biên nhận do bà Huỳnh Thị K viết, chữ ký và chữ viết họ tên Võ Văn N là do ông Nhàn E tự ký và tự viết họ tên (do sơ sót bà K không kiểm tra nên họ tên Võ Văn N Em thiếu chữ Em). Cùng ngày 19/11/2023, do bà T bận đi làm nên bà K đại diện bà T giao số tiền mặt 10.000.000 đồng, tại nhà ông Nhàn E và bà Bích T1, thời điểm giao tiền do ông Nhàn E trực tiếp nhận, không có mặt bà T1 vì bà T1 đi làm nhưng bà T1 vẫn biết việc vay tiền này. Lý do bà T1 biết việc vay tiền này vì khi vay tiền thì cả hai vợ chồng cùng liên lạc điện thoại bà K để vay tiền và khi đòi tiền thì bà T do đi làm nên bà K đại diện cho bà T là người trực tiếp liên lạc điện thoại và đến nhà ông T1, bà Nhàn E đòi tiền. Số tiền này đến nay ông Nhàn E và

bà T1 chưa trả vốn, chỉ trả lãi được 21 tháng (từ ngày 19/11/2023 đến 14/9/2025) số tiền 4.200.000 đồng (trả lãi 200.000 đồng/tháng). Việc trả lãi không làm biên nhận;

- Ngày 08/01/2024, T cho ông Nhàn E và bà T1 vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vốn tiêu dùng gia đình, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 08/01/2024 đến ngày 08/4/2024, lãi suất 2%/tháng. Biên nhận do bà Huỳnh Thị K viết, chữ ký và chữ viết họ tên Võ Văn N và Nguyễn Thị Bích T1 là do ông Nhàn E và bà T1 tự ký và tự viết họ tên. Cùng ngày 08/01/2024, do bà T bận đi làm nên bà K đại diện bà T giao số tiền mặt 50.000.000 đồng, tại nhà ông Nhàn E và bà Bích T1, thời điểm giao tiền do ông Nhàn E và bà T1 trực tiếp nhận. Số tiền này đến nay ông Nhàn E và bà T1 chưa trả vốn, chỉ trả lãi được 19 tháng (từ ngày 08/01/2024 đến 14/9/2025) số tiền 19.000.000 đồng (trả lãi 1.000.000 đồng/tháng). Việc trả lãi không làm biên nhận;

- Ngày 30/3/2024, T cho ông Nhàn E và bà T1 vay số tiền 70.000.000 đồng, mục đích vốn tiêu dùng gia đình, thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày 30/3/2024 đến ngày 30/5/2024, lãi suất 2%/tháng. Biên nhận do bà Huỳnh Thị K viết, chữ ký và chữ viết họ tên Võ Văn N và Nguyễn Thị Bích T1 là do ông Nhàn E và bà T1 tự ký và tự viết họ tên. Cùng ngày 30/3/2024, do bà T bận đi làm nên bà K đại diện bà T giao số tiền mặt 70.000.000 đồng, tại nhà ông Nhàn E và bà Bích T1, thời điểm giao tiền do ông Nhàn E và bà T1 trực tiếp nhận. Số tiền này đến nay ông Nhàn E và bà T1 chưa trả vốn, chỉ trả lãi được 17 tháng (từ ngày 30/3/2024 đến 14/9/2025) số tiền 23.800.000 đồng (trả lãi 1.400.000 đồng/tháng). Việc trả lãi không làm biên nhận.

Bà K đại diện cho T nhiều lần liên lạc bằng điện thoại và đến nhà ông Nhàn E và bà T1 để đòi nợ, tuy nhiên ông Nhàn E và bà T1 có hứa trả nhưng không thực hiện, khoảng hơn 03 tháng nay ông Nhàn E và bà T1 không đóng lãi, không trả vốn. Hiện nay ông Nhàn E và bà T1 vẫn còn ở địa phương, buôn bán và làm ruộng.

Nay bà Lê Huỳnh Anh T yêu cầu ông Võ Văn Nhàn E và bà Nguyễn Thị Bích T1 liên đới trả toàn bộ số tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 14/9/2025 (là ngày ông Nhàn E và bà T1 ngưng đóng lãi) đến ngày 26/11/2025 (ngày nộp đơn khởi kiện) là 3.569.000 đồng. Ngoài ra bà K không yêu cầu gì khác. Đối với phần lãi vượt quá quy định pháp luật thì bà K thống nhất khấu trừ vào vốn gốc.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị K xác định yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn Nhàn E và bà Nguyễn Thị Bích T1 liên đới trả toàn bộ số tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 14/9/2025 (là ngày ông Nhàn E và bà T1 ngưng đóng lãi) đến ngày 26/11/2025 (ngày nộp đơn khởi kiện) là 3.569.000 đồng.

Đối với phần tiền lãi bà T đã nhận vượt quá quy định pháp luật thì bà K

thống nhất khấu trừ vào vốn gốc, số tiền vốn còn lại bao nhiêu bà T đồng ý nhận và yêu cầu Võ Văn N Em và bà Nguyễn Thị Bích T1 liên đới trả cho bà T. Đồng thời, số tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày 14/9/2025 (là ngày ông Nhàn E và bà T1 ngưng đóng lãi) đến ngày 26/11/2025 (ngày nộp đơn khởi kiện) có cao hơn số tiền 3.569.000 đồng (bà T tạm tính khi khởi kiện) thì bà T cũng chỉ yêu cầu nhận số tiền lãi 3.569.000 đồng và yêu cầu Võ Văn N Em và bà Nguyễn Thị Bích T1 liên đới trả cho bà T.

Bị đơn ông Võ Văn Nhàn E và bà Nguyễn Thị Bích T1 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Do quen biết nên bà Lê Huỳnh Anh T có cho ông Võ Văn N Em và bà Nguyễn Thị Bích T1 vay nhiều lần với tổng số tiền 150.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 11/11/2023 (27/9/2023 âm lịch), vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vốn tiêu dùng gia đình, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 11/11/2023 đến ngày 11/02/2024, lãi suất 2%/tháng, biên nhận do ông Nhàn E tự ký và viết họ tên. Đã nhận lãi được 21 tháng (từ ngày 11/11/2023 đến 14/9/2025) số tiền 8.400.000 đồng (trả lãi 400.000 đồng/tháng).

- Ngày 19/11/2023 (04/10/2023 âm lịch), vay số tiền 10.000.000 đồng, mục đích vốn tiêu dùng gia đình, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 19/11/2023 đến ngày 19/02/2024, lãi suất 2%/tháng, biên nhận do ông Nhàn E tự ký và viết họ tên. Đã nhận lãi được 21 tháng (từ ngày 19/11/2023 đến 14/9/2025) số tiền 4.200.000 đồng (trả lãi 200.000 đồng/tháng).

- Ngày 08/01/2024, vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vốn tiêu dùng gia đình, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 08/01/2024 đến ngày 08/4/2024, lãi suất 2%/tháng, biên nhận do ông Nhân E1 và bà T1 tự ký và viết họ tên. Đã nhận lãi được 19 tháng (từ ngày 08/01/2024 đến 14/9/2025) số tiền 19.000.000 đồng (trả lãi 1.000.000 đồng/tháng).

- Ngày 30/3/2024, vay số tiền 70.000.000 đồng, mục đích vốn tiêu dùng gia đình, thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày 30/3/2024 đến ngày 30/5/2024, lãi suất 2%/tháng, biên nhận do ông Nhàn E và bà T2 tự ký và viết họ tên. Đã nhận lãi được 17 tháng (từ ngày 30/3/2024 đến 14/9/2025) số tiền 23.800.000 đồng (trả lãi 1.400.000 đồng/tháng).

Nay, bà Lê Huỳnh Anh T yêu cầu ông Võ Văn Nhàn E và bà Nguyễn Thị

Bích T1 liên đới trả toàn bộ số tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 14/9/2025 (là ngày ông Nhàn E và bà T3 ngưng đóng lãi) đến ngày 26/11/2025 (ngày nộp đơn khởi kiện) là 3.569.000 đồng. Ngoài ra bà K không yêu cầu gì khác. Đối với phần lãi vượt quá quy định pháp luật thì bà K thống nhất khấu trừ vào vốn gốc.

Ông Võ Văn Nhàn E và bà Nguyễn Thị Bích T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, căn cứ bà T khởi kiện là 04 biên nhận nợ ngày 11/11/2023, 19/11/2023, 08/01/2024, 30/3/2024, có nội dung: Bà T1, ông Nhàn E có vay bà T với tổng số tiền 150.000.000 đồng, các biên nhận do bà T1, ông Nhàn E ký và viết tên, việc xác lập giao dịch giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Quá trình tố tụng, bà T1 và ông Nhàn E đã được tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không có ý phản hồi đối với yêu cầu của bà T nên việc bà T yêu cầu ông Nhàn E và bà T1 cùng liên đới trả 150.000.000 đồng là có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu số tiền vốn còn lại 140.582.000 đồng (sau khi đã khấu trừ số tiền lãi vượt quá quy định) và số tiền lãi 3.569.000 đồng.

Xét đây là sự tự nguyện của bà T, phù hợp với quy định của pháp luật về điều chỉnh số tiền lãi vượt quá và có lợi cho phía bị đơn nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Huỳnh Anh T.

- Buộc ông Võ Văn Nhàn E, bà Nguyễn Thị Bích T1 trả cho bà Lê Huỳnh Anh T số tiền vốn 140.582.000 đồng và số tiền lãi 3.569.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Võ Văn Nhàn E và bà Nguyễn Thị Bích T1. Ông Nhàn E và bà T1 có nơi cư trú ấp K, xã C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn tranh chấp số tiền 150.000.000 đồng từ giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn bà Lê Huỳnh Anh T với bị đơn ông Võ Văn Nhàn E và bà Nguyễn Thị Bích T1. Do vậy, vụ án được

xác định là tranh chấp về Hợp đồng dân sự, cụ thể Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên Tòa, bị đơn ông Võ Văn Nhàn E và bà Nguyễn Thị Bích T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nhàn E và bà T1 có căn cứ.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc Nguyên đơn bà Lê Huỳnh Anh T yêu cầu ông Võ Văn Nhàn E và bà Nguyễn Thị Bích T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ và triệu tập ông Nhàn E và bà T1 tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông Nhàn E và bà T1 vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, được xem là ông Nhàn E và bà T1 đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, nên Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn đưa ra và Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét thấy, chứng cứ Nguyên đơn khởi kiện là các tờ "Biên nhận" ngày 27/9/2023 âm lịch; 04/10/2023 âm lịch, theo Nguyên đơn xác định chữ ký do ông Nhàn E ký tên và viết họ, tên, còn bà T1 không ký tên, nhưng biết việc vay tiền này; "Biên nhận" ngày 08/01/2024 âm lịch; 30/3/2024 âm lịch, theo Nguyên đơn xác định do ông Nhàn E và bà T1 ký tên và viết họ, tên. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập ông Nhàn E và bà T1 tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông Nhàn E và bà T1 vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu của khởi kiện của bà T. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 có cơ sở xác định các bên đã xác lập Hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên làm phát sinh quyền nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do ông Nhàn E và bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà T khởi kiện yêu cầu ông Nhàn E và bà T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tuy nhiên, tại phiên Tòa bà K đại diện hợp pháp cho Nguyên đơn xác định Nguyên đơn bà T đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận vào số tiền vốn gốc, trong trường hợp số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định pháp luật và yêu cầu số tiền lãi theo quy định pháp luật trên số tiền vốn gốc còn lại từ ngày 14/9/2025 (là ngày ông Nhàn E và bà T1 ngưng đóng lãi) đến ngày 26/11/2025 (ngày nộp đơn khởi kiện) với số tiền lãi 3.569.000 đồng, trường hợp số tiền lãi tính theo quy định pháp luật có cao hơn số tiền 3.569.000 đồng, bà T cũng chỉ yêu cầu ông Nhàn E và bà Bích T1 trả số tiền lãi 3.569.000 đồng. Bà T đồng ý rút yêu cầu

khởi kiện đối với số tiền vốn bị khấu trừ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà T và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Cụ thể:

- Số tiền lãi: 55.400.000 đồng (số tiền lãi đã nhận) – 45.982.000 đồng (số tiền lãi theo quy định pháp luật) = 9.418.000 đồng;

- Số tiền vốn còn lại: 150.000.000 đồng – 9.418.000 đồng = 140.582.000 đồng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở buộc ông Võ Văn Nhàn E và bà Nguyễn Thị Bích T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Huỳnh Anh T số tiền vốn 140.582.000 đồng, số tiền lãi 3.569.000 đồng, tổng cộng 144.151.000 đồng.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị K, quá trình giải quyết và tại phiên Tòa bà K không có yêu cầu gì, các đương sự khác cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với bà K, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Nhàn E và bà Bích T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T nên phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Huỳnh Anh T đối với ông Võ Văn Nhàn E và bà Nguyễn Thị Bích T1.

Buộc ông Võ Văn Nhàn E và bà Nguyễn Thị Bích T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Huỳnh Anh T số tiền vốn 140.582.000 đồng, số tiền lãi 3.569.000 đồng, tổng cộng 144.151.000 (*một trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm năm mươi mốt nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Huỳnh Anh T đối với số tiền vốn 9.418.000 (*chín triệu, bốn trăm mười tám nghìn*) đồng

- Án phí dân sự sơ thẩm: 7.207.550 (*bảy triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm năm mươi*) đồng, ông Võ Văn N Em và bà Nguyễn Thị Bích T1 phải chịu.

H lại cho bà Lê Huỳnh Anh T số tiền tạm ứng án phí 3.839.*000 (ba triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0010504 ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11-An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư